

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán	Trong đó			
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương đã giao	Dự toán đơn vị sử dụng	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương chưa giao	Dự toán chưa giao
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	(59.000.000)	(3.045.000.000)	59.000.000	3.045.000.000
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	(59.000.000)	(3.045.000.000)	59.000.000	3.045.000.000
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	123.178.000.000	1.327.000.000	118.747.000.000	59.000.000	3.045.000.000
130 - 131	Y tế dự phòng	2.392.000.000	-	2.392.000.000	-	-
130 - 131	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	2.392.000.000	-	2.392.000.000		
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	79.914.000.000	-	76.810.000.000	59.000.000	3.045.000.000
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	79.914.000.000	-	76.810.000.000	59.000.000	3.045.000.000
	+ Bệnh viện/Điều trị	79.914.000.000	-	76.810.000.000	59.000.000	3.045.000.000
130 - 139	Y tế khác	40.872.000.000	1.327.000.000	39.545.000.000	-	-
130 - 139	Chi con người	27.601.000.000	-	27.601.000.000		
130 - 139	Chi hoạt động	13.271.000.000	1.327.000.000	11.944.000.000		
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(123.178.000.000)	(1.386.000.000)	(121.792.000.000)	-	-
130 - 131	Y tế dự phòng	(1.781.000.000)	(50.000.000)	(1.731.000.000)	-	-
130 - 131	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(1.781.000.000)	(50.000.000)	(1.731.000.000)		

Loại khoản	Nội dung	Tổng dự toán	Trong đó			
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương đã giao	Dự toán đơn vị sử dụng	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương chưa giao	Dự toán chưa giao
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	(82.429.000.000)	-	(82.429.000.000)	-	-
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(82.429.000.000)	-	(82.429.000.000)	-	-
	+ <i>Bệnh viện/Điều trị</i>	(82.429.000.000)	-	(82.429.000.000)		
130 - 139	Y tế khác	(38.968.000.000)	(1.336.000.000)	(37.632.000.000)	-	-
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(38.968.000.000)	(1.336.000.000)	(37.632.000.000)	-	-
	+ <i>Chi con người</i>	(25.610.000.000)	-	(25.610.000.000)		
	+ <i>Chi hoạt động</i>	(13.358.000.000)	(1.336.000.000)	(12.022.000.000)		

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Trung tâm Kiểm nghiệm thành phố Đồng Nai**Mã số QHNS: 1021522****Mã KBNN nơi giao dịch: 1761**

Đvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(384.000.000)	(36.000.000)	(348.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(384.000.000)	(36.000.000)	(348.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.849.000.000	239.000.000	9.610.000.000
130 - 139	Y tế khác	9.849.000.000	239.000.000	9.610.000.000
130 - 139	Chi con người	7.458.000.000		7.458.000.000
130 - 139	Chi hoạt động	2.391.000.000	239.000.000	2.152.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(10.233.000.000)	(275.000.000)	(9.958.000.000)
130 - 139	Y tế khác	(10.233.000.000)	(275.000.000)	(9.958.000.000)
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(10.233.000.000)	(275.000.000)	(9.958.000.000)
	+ Chi con người	(7.483.000.000)		(7.483.000.000)
	+ Chi hoạt động	(2.750.000.000)	(275.000.000)	(2.475.000.000)



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước

Mã số QHNS: 1130010

Mã KBNN nơi giao dịch: 1778

Đvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-	5.000.000	(5.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	5.000.000	(5.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.024.000.000	208.000.000	6.816.000.000
130 - 139	Y tế khác	7.024.000.000	208.000.000	6.816.000.000
130 - 139	Chi con người	4.944.000.000		4.944.000.000
130 - 139	Chi hoạt động	2.080.000.000	208.000.000	1.872.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(7.024.000.000)	(203.000.000)	(6.821.000.000)
130 - 139	Y tế khác	(7.024.000.000)	(203.000.000)	(6.821.000.000)
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(7.024.000.000)	(203.000.000)	(6.821.000.000)
	+ Chi con người	(4.996.000.000)		(4.996.000.000)
	+ Chi hoạt động	(2.028.000.000)	(203.000.000)	(1.825.000.000)



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Chương: 423

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em thành phố
Đồng Nai

Mã số QHNS: 1128448

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Đvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.288.000.000	22.000.000	2.266.000.000
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.288.000.000	22.000.000	2.266.000.000
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	23.999.000.000	880.000.000	23.119.000.000
130 - 139	Y tế khác	23.999.000.000	880.000.000	23.119.000.000
130 - 139	Chi con người	15.199.000.000		15.199.000.000
130 - 139	Chi hoạt động	8.800.000.000	880.000.000	7.920.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(21.711.000.000)	(858.000.000)	(20.853.000.000)
130 - 139	Y tế khác	(21.711.000.000)	(858.000.000)	(20.853.000.000)
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(21.711.000.000)	(858.000.000)	(20.853.000.000)
	+ Chi con người	(13.131.000.000)		(13.131.000.000)
	+ Chi hoạt động	(8.580.000.000)	(858.000.000)	(7.722.000.000)

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Bình Phước

Mã số QHNS: 1075059

Mã KBNN nơi giao dịch: 1775

Dvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(1.330.000.000)	-	(1.330.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(1.330.000.000)	-	(1.330.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	51.875.000.000	-	51.875.000.000
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	51.875.000.000	-	51.875.000.000
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	51.875.000.000	-	51.875.000.000
	+ Bệnh viện/Điều trị	51.875.000.000		51.875.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(53.205.000.000)	-	(53.205.000.000)
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	(53.205.000.000)	-	(53.205.000.000)
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(53.205.000.000)	-	(53.205.000.000)
	+ Bệnh viện/Điều trị	(53.205.000.000)		(53.205.000.000)



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Bệnh viện Phổi thành phố Đồng Nai

Mã số QHNS: 1073803

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Dvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(1.223.000.000)	-	(1.223.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(1.223.000.000)	-	(1.223.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.225.000.000	-	15.225.000.000
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	15.225.000.000	-	15.225.000.000
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	15.225.000.000	-	15.225.000.000
	+ Bệnh viện/Điều trị	15.225.000.000		15.225.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(16.448.000.000)	-	(16.448.000.000)
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	(16.448.000.000)	-	(16.448.000.000)
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(16.448.000.000)	-	(16.448.000.000)
	+ Bệnh viện/Điều trị	(16.448.000.000)		(16.448.000.000)



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: **Bệnh viện Da liễu thành phố Đồng Nai**

Mã số QHNS: 1073802

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Dvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(2.206.000.000)	(50.000.000)	(2.156.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(2.206.000.000)	(50.000.000)	(2.156.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.392.000.000	-	2.392.000.000
130 - 131	Y tế dự phòng	2.392.000.000	-	2.392.000.000
130 - 131	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	2.392.000.000		2.392.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(4.598.000.000)	(50.000.000)	(4.548.000.000)
130 - 131	Y tế dự phòng	(1.781.000.000)	(50.000.000)	(1.731.000.000)
130 - 131	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(1.781.000.000)	(50.000.000)	(1.731.000.000)
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	(2.817.000.000)	-	(2.817.000.000)
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(2.817.000.000)	-	(2.817.000.000)
	+ Bệnh viện/Điều trị	(2.817.000.000)		(2.817.000.000)



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị: Bệnh viện Y dược cổ truyền thành phố Đồng Nai

Mã số QHNS: 1079061

Mã KBNN nơi giao dịch: 1761

Đvt: Đồng

Loại khoản	Nội dung	DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(249.000.000)	-	(249.000.000)
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	(249.000.000)	-	(249.000.000)
130	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.710.000.000	-	9.710.000.000
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	9.710.000.000	-	9.710.000.000
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	9.710.000.000	-	9.710.000.000
	+ Bệnh viện/Điều trị	9.710.000.000		9.710.000.000
130	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	(9.959.000.000)	-	(9.959.000.000)
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	(9.959.000.000)	-	(9.959.000.000)
130 - 132	Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính	(9.959.000.000)	-	(9.959.000.000)
	+ Bệnh viện/Điều trị	(9.959.000.000)		(9.959.000.000)